

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 3 - 2023

“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tài
2. Ông Mai Thanh Chúc

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Thạch Thị Thi Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp Gi, xã Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Thạch Sâm N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp Gi, xã Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2023, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Thạch Thị Thi Đ trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 1999 chị Đ và anh Thạch Sâm N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn anh N thay đổi tính tình hay uống rượu không quan tâm lo gia đình hay ghen vô cớ và nhiều lần có lời lẽ xúc phạm chị, chị nhiều lần khuyên nhưng anh N không sửa đổi nên chị Đ và anh N sống riêng từ năm 2019

đến nay. Nay chị Đ thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Thạch Sâm N.

- Về con chung tên: Thạch Thị Sô Ph, sinh ngày 15/02/2000, Thạch Thị Sa Tr, sinh ngày 15/4/2001, các con đã thành niên, chị Đ không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Chị Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Đ không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bị đơn Thạch Sâm N trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân giữa anh và chị Thạch Thị Thi Đ chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định, trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn thường cãi vã những việc trong gia đình và do chị Đ thay đổi tính tình có người khác bên ngoài nên anh có lời lẽ xúc phạm chị Đ, giữa hai bên không hòa thuận được nên anh và chị sống riêng từ năm 2019 đến nay. Sau khi sống riêng nhiều lần anh N tìm cách hàn gắn nhưng chị Đ không đồng ý, nay anh xác định còn thương chị Đ nên yêu cầu hàn gắn, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung tên: Thạch Thị Sô Ph, sinh ngày 15/02/2000 và Thạch Thị Sa Tr, sinh ngày 15/4/2001, các con đã thành niên, anh N không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả anh Nang không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Anh N không còn tranh chấp khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Thạch Thị Thi Đ được ly hôn với anh Thạch Sâm N; về con chung đã thành niên nên chị Đ và anh N không tranh chấp nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung, nợ chung các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm xét thấy chị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở ấp có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị có đơn xin miễn án phí nên đề nghị căn cứ Điều 12, 4, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho chị Đ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Thạch Thị Thi Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thạch Sâm N, địa chỉ tại ấp Gi, xã Tr, huyện C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy chị Thạch Thị Thi Đ và anh Thạch Sâm N chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Đ và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Đ và anh N bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau khoảng năm 2019 đến nay. Anh N thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau dẫn đến cãi vã và sống riêng nhưng anh còn thương chị Đ và hứa sửa đổi tính tình lo cho gia đình nên yêu cầu hàn gắn lại, không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết nhiều lần Tòa án mở phiên hòa giải tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa chị Đ và anh N nhưng chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh N. Anh N yêu cầu hàn gắn nhưng không có biện pháp gì để tạo điều kiện hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh N ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[3] Về con chung: Thạch Thị Sô Ph, sinh ngày 15/02/2000 và Thạch Thị Sa Tr, sinh ngày 15/4/2001 các con đã thành niên, chị Đ và anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ và anh N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Xét thấy chị Thạch Thị Thi Đ là người dân tộc thiểu số đang sống ở ấp Gi, xã Tr, huyện C thuộc ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chị Đ có đơn xin miễn án phí được Thẩm phán chấp nhận. Căn cứ vào Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí nên xét miễn án phí cho chị Đ.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12, 14, 15, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Thi Đ.

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Thạch Thị Thi Đ ly hôn với anh Thạch Sâm N.

- **Về con chung:** Thạch Thị Sô Ph, sinh ngày 15/02/2000 và Thạch Thị Sa Tr, sinh ngày 15/4/2001 các con đã thành niên, chị Đ và anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả:** Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ và anh N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Miễn án phí cho chị Thạch Thị Thi Đ.

Hoàn trả cho chị Thạch Thị Thi Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0013222 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa